NHỚ MÃI MỘT ĐỜI

Lâm Thụy Phong
Cựu Petrus Ký 1964-71

Tôi có rất nhiều kỷ niệm thật đẹp dưới mái trường Petrus Ký. Theo lời yêu cầu của bạn tôi, Đặng Thành Danh mà tôi có duyên gặp dưới mái trường đó, cách đây đúng 35 năm, tôi viết những dòng này để nhắc lại hình ảnh êm đềm của thời niên thiếu.

Nhưng trước khi vào đề, xin cho phép tôi được đôi lời phi lộ. Trước tiên là lời tạ lỗi, nếu có điều chi thất lễ, đối với Thầy Cô hay bạn bè mà tôi sẽ nhắc sau đây. Thứ hai, những Thầy Cô cũ không được nhắc đến, không phải vì quên ơn hay bội nghĩa, nhưng chỉ vì đó là những giờ học êm đềm như nước hồ thu, không có gì đặc biệt để ghi lại. Sau hết, bài viết xin được trang trọng kính dâng hương hồn những người Thầy Cô cũ không còn nữa. Kính dâng Má tôi, vì nếu tôi không có được người Mẹ như Bà, chắc có lẽ tôi không có tương lai ngày nay. Và tất cả chân tình trao về đồng môn để thương nhớ mái trường trên Đại Lộ Cộng Hòa ngày xưa.

Năm 1964 tôi may mắn trúng tuyển vào Petrus Ký sau một kỳ thi thật gay go. Đó là một hãnh diện đối với gia đình và cá nhân tôi. Toàn trường Tiểu Học Phú Thọ, gồm tất cả 6 lớp Nhứt, sáng trưa và chiều, chỉ có được 4 học sinh "bảng hổ đề danh" là Võ Quang Đạt (Thất 1), Bùi Trọng Thành (Thất 2), Đặng Văn Đạt (Thất 3) và tôi.

Nói đúng hơn, lúc đó tôi chưa đo lường được niềm hãnh diện trong tôi. Chỉ thấy trong lòng vui vui vì thi đậu. Và thấy cha mẹ tôi hớn hở ra mặt, thông báo tin vui nầy với tất cả bà con bạn bè. Ba tôi chỉ nói một câu vỏn vẹn, con đã thực hiện được ước mơ của Ba Má, ước mơ đó không phải ai cũng làm được...

Tôi được xếp vào lớp đệ Thất 2. Giáo sư hướng dẫn là Thầy Túc dạy Pháp Văn. Trưởng lớp là anh Dương Xuân Phúc. Anh cao lớn hơn chúng tôi một cái đầu, tánh tình điềm đạm, nên được anh em tin tưởng bầu vào chức vụ đó.

Tôi còn nhớ rất rõ ngày khai trường, trong bộ đồng phục "đại lễ", áo trắng, quần trắng. Chúng tôi xếp hàng ngay ngắn dưới hàng cây sao, kế bên khoảng đất làm chỗ đậu xe cho học sinh. Tâm trạng của tôi lúc đó khó tả, lo sợ trước vẻ trang nghiêm của trường lớp, âu lo không biết mình có đủ sức để theo kịp các bạn hay không? Thầy Tổng Giám Thị Tăng Văn Chương đi duyệt xét từng đứa. Tóc hớt ngắn, đồng phục đúng màu, dây nịt, phù hiệu trên túi áo...Tôi hiểu đó là truyền thống kỹ luật có một không hai của Petrus Ký.

Ông Thầy đầu tiên mà lớp Đệ Thất 2 của chúng tôi phải "thử lửa" là Thầy Trần Đại Lộc dạy Việt Văn. Nói "thử lửa" là hoàn toàn sai, vì Thầy rất hiền, giảng hay và dễ hiểu. Tất cả chúng tôi thở phào nhẹ nhõm.

Thầy Trần Đại Lộc từ trần tại Orange County, California, USA ngày 30 tháng 9 năm 1997

Lớp chúng tôi đọc và viết bài "Ngày tựu trường" của Thanh Tịnh, diễn tả thật đúng tâm trạng của chúng tôi ngày hôm đó. Ngày đầu đưa tôi và các bạn vào

những kỷ niệm tuyệt vời dưới mái trường thân yêu suốt bảy năm kế tiếp.

Chúng tôi còn có Cô Hà, dạy Công dân Giáo dục, hiền, đẹp, duyên dáng làm đám "hậu sinh khả...ố" khó lòng quên.

Cô Nguyễn Thu Hà (Ảnh chụp năm 1973)

Cùng năm đó, Trung Tâm Văn Hóa Pháp đưa bà Laporte đến luyện giọng cho bốn lớp Pháp Văn. Tôi còn nhớ rất rõ, chữ của bà viết thật đẹp trên bảng đen. Mặc dù chưa hề biết giọng "Parisien" là thế nào, nhưng chắc chắn rằng bà đọc rất hay, dễ ru ngủ vào buổi trưa nắng gắt ngoài sân. Và nhứt là cách phát âm chữ "R" như bà, thì chúng tôi chịu thua, không luyện nổi !

Vì là giờ phụ nên chúng tôi cho rằng không quan trọng."Xóm nhà lá" phía sau bắt đầu "nổi đình nổi chợ". Thí dụ câu "je suis Vietnamien" được sửa lại là..."je suis dép Nam Vang". Một số xếp phi cơ giấy, để bột phấn và phóng mịt mù trong lớp . Kết quả là bà giận, bỏ đi không thèm nói một tiếng. Nói làm gì với tiếng Tây của lũ chúng tôi, có la mắng thì cũng như "đờn gảy tai trâu" mà thôi !

Sáng hôm sau, khi chúng tôi đang ngồi học, Thầy Tổng Giám Thị Tăng Văn Chương và Thầy Khiêm hầm hầm bước vào. Cả lớp đứng lên chào, im phăng phắc vì chúng tôi hiểu chuyện gì sẽ xảy ra. Ông ra lệnh cho chúng tôi ngồi xuống và bắt đầu "giảng mo ran" cả nửa giờ đồng hồ. Cuối cùng ông nói mỗi đứa lấy một tờ giấy và ghi tên "đồ ngục nào" đã quậy phá bà Laporte. Chúng tôi sợ tái mặt, cố "thun" lại cho thật nhỏ và mong sao đừng có tên mình trong bảng phong thần. Tôi chỉ nhớ có Đặng Thành Danh được ...xướng danh vì Danh ngồi ở phía sau lưng tôi. Tôi không biết hôm đó Danh có bị "điểm mặt chỉ tên" lắm hay không? Nhưng tôi tin là Danh sẽ không giận khi tôi nhắc lại "một thời vang bóng" của 35 năm về trước, và cho rằng không "Oan Thị Kính" một chút nào cả ! Ngày nay Danh là một người cha mẫu mực, có một mái ấm hạnh phúc, hoạt động tích cực trong "Hội Ái Hữu Petrus Trương Vĩnh Ký" tại Úc. Mỗi lần nhắc lại chuyện xưa, Danh bồi hồi xúc động.

Thầy Tăng Văn Chương (Ảnh chụp năm 1973) từ trần tại Sài Gòn trong thập niên 1980

Đệ Thất 2 của chúng tôi có Thầy Thưởng dạy Toán với "giả thiết" và "kết luận" phải ghi rõ ràng trên đầu bài. Nếu thiếu hay viết "giả thuyết" là "zéro tất !"...

Năm đầu tiên rồi cũng qua mau. Kỷ niệm vui buồn ghi vào tâm khảm. Cả lớp đệ Thất 2 lên đệ Lục 2. Giáo sư hướng dẫn là Thầy Châu Thành Tích, giảng Toán hay nhìn lên ...nóc nhà, chắc để tìm phương trình ẩn số. Cô Loan dạy Pháp Văn chỉ được vài giờ, rồi sau đó giã từ các em, Cô đi Từ Dũ. Cô để lại cho chúng tôi một vài

kỷ niệm Cô giảng bài bằng tiếng Pháp, cho récitations thật dài, học "xì khói" và sau đó bỏ chúng tôi ở lại với "Ổng". "Ổng" đây là Thầy Tăng Văn Chương. Chỉ nghe cái tên là chúng tôi "bình tĩnh mà run" rồi. Đứa nầy nhìn đứa kia, nét lo âu hiện rõ ra mặt, nhớ lại lần "Ổng" xuống lớp năm ngoái...

Thầy có thói quen trước khi cho phép chúng tôi vào lớp, ra lệnh lượm rác còn sót lại trên hành lang. Nhưng càng học với Thầy, chúng tôi càng hiểu và thương Thầy nhiều hơn. Thầy thường lớn tiếng la mắng để răn dạy chúng tôi, nhưng chưa bao giờ phạt một đứa nào cả. "Tụi bây là đồ ngục tù u tối, dạy tụi bây nặng nề như đẩy xe tăng .."

Thầy cũng như nhiều người đồng thế hệ, chịu ảnh hưởng và yêu mến văn hóa Pháp. Cuối năm Thầy say mê kể cho cả lớp nghe "Le Cid" của Corneille. Đó cũng là lần đầu tiên chúng tôi thấy Thầy vui và không nghiêm khắc như mọi lần. Thầy Chương không còn nữa, suốt những năm dài sống trên quê hương của Corneille, tôi không thể không nhớ đến Thầy. Lạy tạ Thầy đã dạy tụi con vỡ lòng tiếng của Voltaire và để biết yêu chuộng một nền văn hóa lớn nhứt nhì thế giới.

Cô Trần Thị Ngọc Dung (Ảnh chụp năm 1973)

Việt văn dưới sự hướng dẫn của Cô Dung. Tánh Cô hiền lành, nhỏ nhẹ, nhưng không ngần ngại ký hai tuần cấm túc cho Hồ Ngọc Châu, vì bạn tôi nói đùa rằng Tú Uyên kỳ ngộ với Giáng Kiều trong...rừng cao su. Có lẽ vì một lý do riêng tư nào đó, Cô rất thích nhắc cho chúng tôi nghe "con thuyền không bến" của Đặng Thế Phong. Tôi cầu mong thuyền Cô đã gặp được bến mơ hạnh phúc...

Bước lên đệ Ngũ 2. Giáo sư hướng dẫn là Thầy Phạm Mạnh Cương, kiêm nhạc sĩ phụ trách một chương trình có cùng tên trên băng tần số chín. Năm đó là "đoạn đường chiến binh", bắt buộc phải từ "chết tới bị thương": qua ải của tướng nhà trời ! Ngày xưa Quan Vân Trường phò nhị tẩu hùng dũng qua năm ải, chém sáu tướng. Bây giờ chúng tôi lập cập qua ải, tơi bời hoa lá với Cô Thiên...Hương. Hai giờ Sử Địa với Cô dài hơn hai thế kỷ. Cả lớp im lặng như tờ, không đứa nào dám cọ quậy gì hết. Địa lý vùng Trung Đông phải được vẽ đúng tiêu chuẩn về màu mè đất liền sông ngòi, đại dương, lằn ranh biên giới...Sử đời Trịnh-Nguyễn phân tranh làm khổ đám hậu bối chúng tôi. Bị gọi lên trả bài, trả lời ấp úng là Cô "hát" liền : "mấy người là đồ trâu cày ngựa cấy..." và tiếp theo màn "hát xiệc" thước bay vù vù, Thiên lôi giáng !

Trương Minh Hoàng (Hoàng mập) của lớp đệ Ngũ 2 năm 1966 chắc khó lòng quên màn nầy.

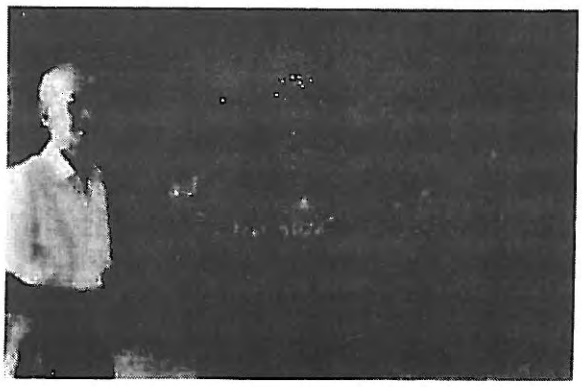

Thầy Trần Văn Châu (Ảnh chụp năm 1973)

Khác với giờ Sử Địa, giờ Pháp văn với Thầy Châu mà chúng tôi thường gọi

đùa là ông Ngoại, thoải mái và dễ thở. Thầy giảng trên bục, trong lớp lúc nào cũng có những câu khôi hài "móc nối" để chọc Thầy. Sở dĩ như vậy là vì ông hay nói, trong một câu tiếng Pháp, sujet phải "móc nối" với verbe và complément...

Chúng tôi lớn lên theo năm tháng. Bước vào đệ Tứ 2 với những khuôn mặt bắt đầu "trổ bông" đỏ ửng của tuổi dậy thì. Giáo sư hướng dẫn là Thầy Nguyễn Thanh Lương, phương trình hàm số và luôn cả "chương trình lúc không giờ" của Thẩm Thúy Hằng lúc cuối giờ học, thầy trò vui vẻ kể chuyện ma.

Thầy Nguyễn Thanh Lương (Ảnh chụp năm 1973)

Việt văn thì có Thầy Vĩnh, mặt lúc nào cũng đỏ như...gà nòi. Thầy kể cho chúng tôi nghe những giai thoại về Nguyễn Công Trứ, văn võ song toàn vàcũng rất bay bướm trong cuộc sống tình cảm :

"Giang sơn một gánh giữa đồng
Thuyền quyên ứ hự anh hùng nhớ chăng ? "

Từ đó, trong lớp thỉnh thoảng lại nghe tiếng ứ hự. Thầy trò cùng cười. Thông cảm.

Thầy Trí dạy Pháp văn, kể say sưa Sorbonne, khu La tinh lừng danh của Paris, làm mấy bạn ngồi bàn đầu như Lê Nhơn Lộc, Hồ Ngọc Châu... khổ sở vì tập vở tèm lem... nước miếng. Thầy chỉ ở lại với chúng tôi được đôi tháng, rồi từ giã bảng đen phấn trắng. Nghe nói là Thầy đi làm cho hãng "Rờ Em Kêu" (RMK) của Hoa Kỳ.

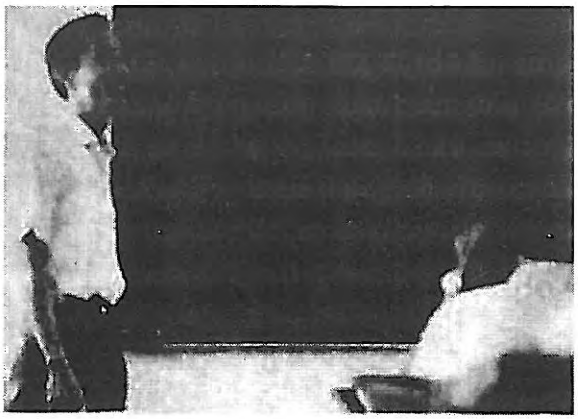

Thầy Đinh Văn Vĩnh (Ảnh chụp năm 1973)

Tất niên năm đó, nhờ anh Dương Xuân Phúc là học trò cưng của Thầy Tổng Giám Thị, chúng tôi được phép mời bạn gái vào dự, nhưng tuyệt đối cấm nhảy. Thôi, chịu khó đi em ! Ráng uống nước ngọt nghe nhạc cho đời đỡ khổ ! Nhảy nhót gì, ai dám giỡn mặt với ông Tổng ???

Nghỉ Tết. Rồi biến cố Mậu Thân, chiến tranh ngang ngược đi vào thành phố. Chúng tôi chấm dứt chương trình Trung Học Đệ Nhứt cấp trong máu lửa.

Cũng như các lớp đệ Tứ khác, đệ Tứ 2 chia tam xẻ bảy để chọn ban. Một vài bạn phải rời hẳn mái trường vì tuổi quân dịch. Như Nguyễn văn Chương đậu Thủ Khoa 1964 thi nhảy lớp, xuất sắc như Nguyễn Kim Quang đi vào Không Quân.

Tôi vào lớp 10A1 với vài bạn cũ của Tứ 2 và các bạn mới đến từ các lớp khác. Nói là mới nhưng thật ra chúng tôi đã biết mặt nhau từ bốn năm về trước, như Nguyễn Ngọc Thiền, Nguyễn Quang Thịnh từ đệ Tứ 1, Phạm Chu Mai từ đệ Tứ 3, Đặng Phước Báu, Nguyễn văn Tốt từ đệ Tứ 4...

Giáo sư hướng dẫn là Thầy Quì dạy toán. "Pháp sư" tức giáo sư Pháp văn là Thầy Nguyễn Minh Đức. Vài năm sau ông là Hiệu Trưởng cuối cùng của Petrus Ký. Tôi giữ rất nhiều kỷ niệm với Thầy vì đã theo Thầy suốt ba năm. Tôi có đến thăm Thầy lần chót ở Thị Nghè, để từ giã ra đi du học năm 1971.

Thầy Nguyễn Minh Đức (1973) từ trần tại Portland, Oregon vào cuối tháng 5 năm 1995

Sinh ngữ phụ của chúng tôi là Anh văn do Thầy Chung Hữu Thế phụ trách. Thầy nói tiếng Anh bằng giọng...Pháp !

Năm đó chúng tôi chấm dứt niên học yên ổn. Kỷ niệm êm đềm ghi với nhau trong những lần đi lên Ngọc Thủy (Thủ-Đức), hay ngồi quán cóc bên Đại Học Khoa Học những giờ vắng giáo sư.

Niên khóa 1969-1970, chúng tôi vào 11A1. Năm quyết định tương lai như chúng tôi thường nói :

"Rớt tú tài anh đi Trung sĩ..."

Thầy Nguyễn Minh Đức hướng dẫn, thường hay nhắc nhở chúng tôi phải học hành chăm chỉ. Bắt đầu từ năm nay quyết định tương lai của các em, truyền thống của Petrus Ký chỉ có đậu cao hay thấp mà thôi.

Thầy Dương Hồng Phong (Ảnh chụp năm 1973)

Còn Thầy Dương Hồng Phong, dạy Anh văn, muốn chúng tôi phải tiến xa hơn nữa. Các anh phải đi du học và các anh phải về để xây dựng lại đất nước này. Thầy thường gằn thật mạnh chữ "về" như sợ chúng tôi không nghe. Nếu đọc được dòng chữ này, chắc Thầy cũng thấy là tụi em không thực hiện được trọn vẹn lời Thầy dặn dò năm nào. Cuộc đời trôi nổi theo vận nước nổi trôi !

Năm đó lớp 11A1 đậu 100%, hầu hết đều có "mention", nổi bật là Trương Giới Thạch hạng ưu.

Tựu trường cuối ở lớp 12A1 với Thầy Nguyễn Xuân Hoàng dạy triết. Cái đặc biệt là Thầy Hoàng giảng rất hay, kể chuyện đời nhiều hơn bài vở. Triết là đời, đời là triết !

Lớp tôi có hai tên được "thăng chức": Thái Ngọc Minh là Trưởng Khối Kỷ Luật, Đặng Phước Báu phó Trưởng Khối Báo Chí của trường. Báu là tay học rất cừ, khôi hài duyên dáng không kém, thường cho chúng tôi những tràng cười thoải mái. Sau này Báu tốt nghiệp Đại Học Dược Khoa, làm phụ tá giảng nghiệm. Tài hoa thường bạc mệnh, Báu mất trong một tai nạn lưu thông trên đường đi tìm cây thuốc.

Thầy Nguyễn Xuân Hoàng (1973) hiện đang ở Orange County, California, USA

Bảy năm Petrus Ký rồi cũng đi qua. Trong buổi học cuối, tôi mang một tâm

trạng khó tả. Bâng khuâng, bồi hồi, tiếc nuối một cái gì sắp mất vĩnh viễn. Rồi từ đây tôi đâu còn được mặc đồng phục, phù hiệu hãnh diện trên túi áo. Thầy Cô đâu rồi ? Bạn cũ đâu rồi ? Đường đời vạn nẻo...

Cuối tháng 10 năm đó, ngày thứ Sáu 9 giờ tối, tôi rời gia đình, quê hương, giã từ Petrus Ký lên đường du học. Trước đó một tuần, cầm giấy phép xuất cảnh do Ông Tổng Trưởng Ngô Khắc Tỉnh ký, cũng là đồng môn thuộc thế hệ sanh thành ra tôi, tôi ghé lại thăm trường cũ, chụp hình lưu niệm.

Chiều Chúa nhựt nắng chạy dài trên sân cỏ không người, gió thổi nhẹ lung lay cây phượng trước cổng, tượng cụ Trương Vĩnh Ký trang nghiêm... mắt tôi cay. Nhớ lại ngày khai trường bảy năm về trước, tôi để nước mắt chảy dài... "các anh phải đi và các anh phải VỀ ! " còn văng vẳng bên tai lời Thầy dặn dò.

Tôi đâu có ngờ hành trình du học của tôi kéo dài đã 23 năm, chưa một lần trở lại thăm trường xưa, lối cũ.

Ba mươi lăm năm về trước, tôi đã có duyên "gặp gỡ" Petrus Ký. Tình yêu đầu đời của đứa bé 11 tuổi đối với mái trường thân yêu không bao giờ phai lạt trong tôi.

Lâm Thụy Phong
Paris Tháng 6-1999

PETRUS KÝ VỚI NỀN VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

"... Văn học hiện đại Việt Nam khởi đầu từ Sài Gòn - Nam Bộ là dựa trên cơ sở bản lĩnh của người dân Việt yêu tổ quốc và tiếng mẹ đẻ của mình. Phần lớn những người được đào tạo ở Pháp về vẫn trân trọng văn hóa dân tộc, vận dụng các thể chế dân chủ và tinh thần văn hóa Pháp... để chống thực dân Pháp dưới nhiều hình thức từ cải cách đến cách mạng xã hội như Gilbert Chiếu, Nguyễn An Ninh; Trương Vĩnh Ký in thơ Bùi Hữu Nghĩa trong Miscellanées tháng 2-1889; Huỳnh Tịnh Của in "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" của Cụ Nguyễn Đình Chiểu trong sách Gia Lễ.

... Dịch thuật, biên khảo văn học ***xuất hiện đầu tiên*** ở Sài Gòn với học giả Trương Vĩnh Ký. Ông đã sưu tầm, phiên âm truyện Nôm và các tác phẩm cổ điển Việt Nam ra Quốc ngữ từ năm 1878. Ông viết nhiều diễn ca, thơ văn, nhất là tập bút ký *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi* (1876) viết bằng văn xuôi Quốc ngữ đầu tiên của thế kỷ XIX.

... Trên đây là một số hiện tượng tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại khởi đầu từ Sài Gòn - Nam Bộ. Sự khởi đầu đó đã dần dần lan rộng và phát triển rất phong phú ở hai miền Trung, Bắc đạt đến đỉnh cao trong toàn quốc từ những năm 30 của thế kỷ XX."

(Hoàng Nhân, Văn học hiện đại Việt Nam khởi đầu từ Sài Gòn - Nam Bộ, Văn Số 86, Tháng 12, 1998)